

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

TIẾNG ANH LỚP 1

Global Success · Kết nối tri thức · Bộ 1 · 25 phút nghe/đọc/viết · Nói riêng 3–5 phút

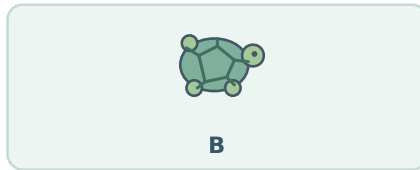
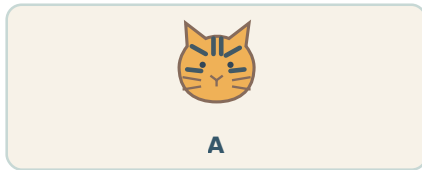
Trọng tâm Unit 9–16: con vật, thức ăn, đồ chơi, đồ dùng; đếm đến 10; I can see...

Họ và tên: Lớp:

Bộ ôn tập tự biên soạn, thang 10 điểm. Người lớn đọc mỗi lời nghe hai lần, nghỉ khoảng 5 giây; phần nói làm riêng 3–5 phút. Hướng dẫn tiếng Việt có thể đọc giúp học sinh.

I. LISTENING · Nghe

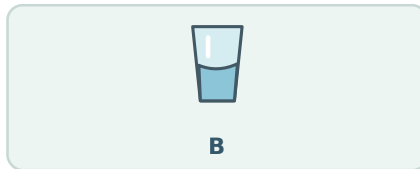
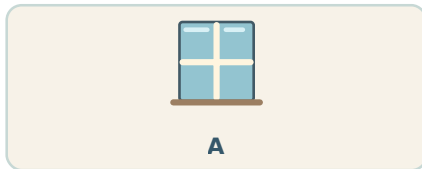
Câu 1 (1 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn tranh đúng.



A. Tranh A

B. Tranh B

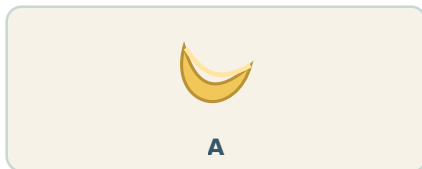
Câu 2 (1 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn tranh đúng.



A. Tranh A

B. Tranh B

Câu 3 (1 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn tranh đúng.

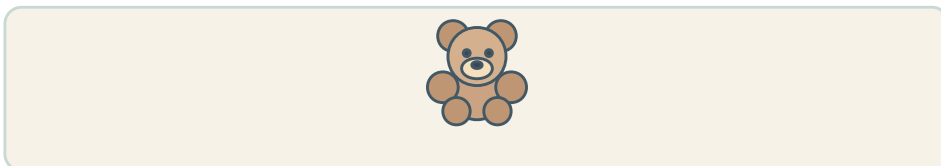


A. Tranh A

B. Tranh B

II. READING · Đọc

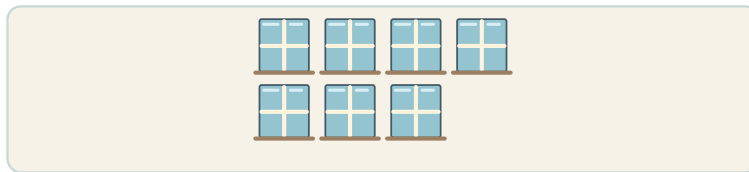
Câu 4 (1 điểm). Look and choose. Nhìn tranh, chọn từ đúng.



A. teddy bear

B. tiger

Câu 5 (1 điểm). How many windows can you see?



A. six

B. seven

Câu 6 (1 điểm). Choose the small letter. Chọn chữ thường tương ứng với W.

A. m

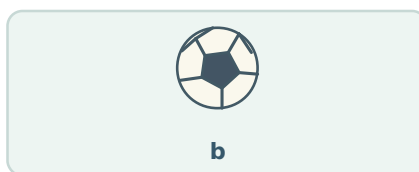
B. w

III. WRITING · Viết

Câu 7 (1 điểm). Complete the words. Điền chữ còn thiếu:



a



b

a) _ater

b) _ootball

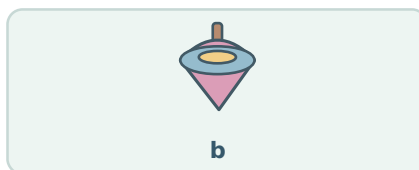
Câu 8 (1 điểm). Look and copy. Viết lại hai từ: bananas; noodles.

IV. SPEAKING · Nói

Câu 9 (1 điểm). Point and say. Nhìn hai tranh, nói tên từng đồ chơi.



a



b

Câu 10 (1 điểm). Look and say. Nói một câu bắt đầu bằng “I can see...” về tranh.

